TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/KDTM-PT
Ngày: 29/01/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thuê tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Bà **Sơn Nữ Phà Ca**

Ông **Phạm Trường Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Ngọc Quí** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Nguyễn Thị Huệ** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 và ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 15/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thuê tài sản"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2023/KDTM-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2024/QĐ-PT ngày 21/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ngân hàng TMCP Đ2; địa chỉ: T, C H, Phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn H – Chức vụ: Giám Đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Hồng P – Phó Trưởng phòng phụ trách phòng KHDN (có mặt).

- Anh Nguyễn Văn T1 – Cán bộ pháp lý (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường L, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Công ty TNHH MTV M4.

Địa chỉ trụ sở: Tổ 10 ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên lạc: Số B đường T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Thanh T2 – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền:

- Anh Ngô Thanh H1, sinh năm 1971 (có mặt).

- Ông Phan Tấn T3, sinh năm 1960 (có mặt).

Cùng địa chỉ liên lạc: Số B đường T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Công ty TNHH M4.

Đại diện theo pháp luật bà Bùi Lê Mỹ C, sinh năm 1989 – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH M4 là anh Trương Ngọc S, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Số F Phó C, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Theo Giấy ủy quyền ngày 06/12/2023) (có mặt).

2.2. Công ty TNHH MTV M4.

Đại diện theo ủy quyền ông Lê Hồng Đ, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số A đường P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Ông Bùi Phú T4, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số A, ấp V, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2.4. Ông Bùi Hữu M, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp V, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số A, ấp V, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Cty TNHH Thương mại - dịch vụ May mặc P1.

Địa chỉ trụ sở: Tổ 10 ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Khắc H2 – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

3.3. Công ty TNHH MTV M4.

Địa chỉ: Tổ A ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Quốc Vân T5 – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

3.4. Công ty TNHH M4 ÁNH SAO.

Địa chỉ: ấp V, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị Diễm M2 – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ2 (gọi tắt Ngân hàng B) do anh Nguyễn Hồng P và anh Nguyễn Văn T1 cùng làm đại diện trình bày:*

Ngân hàng TMCP Đ2 Chi nhánh V1 (B) có cho Công ty TNHH M4, địa chỉ tại Tổ A, ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vay vốn theo 2 Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng dài hạn số 1391/2014/6126202HĐ ngày 11/04/2014 với số tiền vay 9.790.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 60 tháng, từ ngày 11/04/2014 đến ngày 11/04/2019. Mục đich vay vốn là đầu tư mua sắm lắp đặt máy móc thiết bị, thanh toán chi phí thuê nhà xưởng phục vụ sản xuất hàng may mặc. Đã quá hạn từ 11/10/2016.

Tính đến hết ngày 03/05/2022, tổng dư nợ gốc và lãi vay là: 6.785.798.610 đồng.

- Nợ gốc: 3.450.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn:2.335.697.916 đồng.
- Lãi quá hạn: 1.000.100.694 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 3889/2016/6126202/HĐTD ngày 26/05/2016 với số tiền vay 6.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động gia công hàng dệt may. Đã quá hạn từ ngày 23/11/2016.

Tính đến hết ngày 03/05/2022, tổng dư nợ gốc và lãi vay là: 5.554.051.996 đồng.

- Nợ gốc: 3.220.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn:1.598.954.580 đồng.
- Lãi quá hạn: 735.097.416 đồng.

3. Tổng số tiền trả nợ đến hết ngày 03/05/2022 là: 12.339.850.606 đồng.

- Nợ gốc: 6.670.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 3.934.652.496 đồng.

- Lãi quá hạn:1.735.198.110 đồng.

Để bảo đảm cho các Hợp đồng tín dụng trên, Công ty TNHH M4 đã dùng các tài sản sau để thế chấp cho Ngân hàng:

1. Giá trị QSD 4.000 m^2 đất cơ sở sản xuất kinh doanh và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận QSD đất QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 540249 do UBND huyện V cấp ngày 31/3/2014, tọa lạc Tổ 10, ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông Bùi Hữu M đứng tên chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất, theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 023/2014/6126202/HĐBĐ ngày 10/04/2014 và được đăng ký thế chấp ngày 11/04/2014. Chi tiết tài sản thế chấp như sau:

- Tổng diện tích đất 4.000 m^2, thửa số 105, tờ bản đồ số 40, thời hạn sử dụng đến ngày 20/8/2033.

- Mục đích sử dụng đất: cơ sở sản xuất kinh doanh

- Thời hạn thuê: 20 năm (đến ngày 20/08/2033)

- Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm

- Tài sản gắn liền với đất, gồm: Nhà xưởng, kho vải, khối văn phòng, nhà ăn, nhà ở công nhân. Tổng cộng là 3.461.226.666 đồng.

2. Thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH M4 theo Hợp đồng thế chấp số 023A/2014/6126202/HĐBĐ ngày 11/04/2014 và Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1160687436 ngày 16/06/2014. Các tài sản như: máy móc, thiết bị là trạm điện hạ thế 1pha, các thiết bị điều hành, VP máy tính, máy in, bàn ghế,… Tổng giá trị tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp này đến ngày 06/12/2021: 2.698.180.563 đồng.

3. Thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH M4 theo Hợp đồng thế chấp số 0062/2015/HĐ ngày 31/07/2015 và Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1187931551 ngày 03/08/2015. Các tài sản như sau: Máy may, thiết bị điện, bàn trải vải, ghế công nhân bàn kiểm, ghế công nhân, bình chữa cháy (Bột & CO2), máy chấm công, máy lạnh, hệ thống quạt hút, ván ép. Giá trị tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 062/2015/HĐ: 269.171.664 đồng.

Tổng giá trị tài sản bảo đảm: 6.428.578.893 đồng.

- Tính pháp lý của tài sản: đầy đủ.

Toàn bộ tài sản thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đầy đủ đúng quy định.

Trong quá trình quan hệ vay vốn, B đã tạo điều kiện cho Công ty TNHH M4 cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị để tạo nguồn trả nợ cho Ngân hàng, nhưng Bên vay vốn đã không thực hiện được nội dụng theo cam kết. Do đó, Ngân hàng đã tiến hành khởi kiện đối với Công ty TNHH M4.

Nay Ngân hàng yêu cầu:

1. Buộc C2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho B với số tiền tạm tính đến hết ngày 28/7/2023 là: **13.506.381.856 đồng.**

Trong đó:

Nợ gốc: 6.670.000.000 đồng.

Nợ lãi: 6.836.381.856 đồng.

Ngoài ra, đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH M4 phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 29/7/2023 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho B.

2. Trường hợp, Công ty TNHH M4 không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ2 yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay và các tài sản, nguồn thu khác của Công ty TNHH M4 để thu hồi nợ. Cụ thể:

- Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị và thiết bị điều hành tại xưởng may của C2 theo Hợp đồng thế chấp số 023A/2014/6126202/HĐBĐ ngày 11/04/2014.

- Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị phục vụ may mặc tại xưởng may của C2 theo Hợp đồng thế chấp số 0062/2015/HĐBĐ ngày 31/07/2015.

3. Công ty M4 T1 phải trả toàn bộ án phí và các chi phí khác có liên quan đến vụ kiện.

Đối với tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Bùi Hữu M theo Giấy chứng nhận QSD đất QSH nhà ở và tài khác gắn liền với đất số BR 540249 do UBND huyện V cấp ngày 31/03/2014 tại thửa đất số 105 diện tích 4.000m^2, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại Tổ A, ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Tài sản này Ngân hàng không yêu cầu kê biên thi hành án mà thống nhất trả lại cho ông Bùi Hữu M.

**Nguyên đơn Công ty TNHH MTV M4 do ông Phan Tấn T3 làm đại diện trình bày:*

- Công ty TNHH MTV M4 (sau đây gọi tắt là công ty M4) có ký hợp đồng thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị số: 001/2017/HTH-MCV ngày 12/10/2017 đã được công chứng vào ngày 13/10/2017 tại Văn phòng C3, số A đường P, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Theo đó công ty TNHH MTV M4 thuê đất 5.000m^2, nhà xưởng và máy móc thiết bị ngành may mặc của công ty TNHH M4 (sau đây gọi tắt là công ty M4) do bà Bùi Lê Mỹ C và ông Bùi Hữu M là đồng chủ đầu tư tại địa chỉ: tổ A, ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời hạn thuê là 07 năm tính từ ngày 13/10/2017 đến ngày 13/10/2024.

Tài sản cho thuê đang thế chấp tại ngân hàng B Chi nhánh V1 và được B Chi nhánh V1 đồng ý cho thuê.

Thực hiện hợp đồng thì công ty TNHH MTV M4 thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng, tuy nhiên vào ngày 22/8/2019 phía công ty M4 và ông Bùi Hữu M đã ngang nhiên đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê với công ty M4, cụ thể công ty M4 và ông M đã cho gỡ bảng hiệu công ty M4 xuống, thuê bảo vệ khác canh giữ cổng chính công ty không cho người của công ty M4 vào. Các hành vi trên được ghi nhận tại vi bằng số: 13/BB-TPLVB ngày 28/8/2019 của Văn phòng T8 (có vi bằng đính kèm).

Theo hợp đồng thuê ngày 12/10/2017 thì người đại diện theo pháp luật của công ty M4 là ông Trịnh Quốc S1, tuy nhiên vào ngày 05/9/2018 thì công ty TNHH MTV M4 có thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Trịnh Thị Hồng C1 và việc thay đổi này được ghi nhận tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty TNHH MTV M4. Căn cứ theo Điều 5.2 của hợp đồng thuê thì việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không thuộc trường hợp phải thông báo bằng văn bản cho bên cho thuê.

Thời hạn của hợp đồng thuê là 07 năm nhưng tính đến nay thì hợp đồng chỉ mới thực hiện được gần 02 năm, trong 02 năm qua công ty luôn thực hiện đúng nội dung hợp đồng, công ty đã phải đầu tư chi phí rất nhiều vào việc sửa chữa nhà xưởng, chi phí xây dựng và vận hành sự hoạt động của nhà xưởng, chi phí nhân công, trang thiết bị bổ trợ… ngoài ra căn cứ vào hợp đồng thuê nêu trên để ký kết hợp đồng với các đối tác khác, việc công ty M4 và ông Bùi Hữu M ngang nhiên đơn phương chấm dứt hợp đồng (không báo trước) làm ảnh hưởng và gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản cũng như uy tín của công ty M4.

Hiện nay công ty TNHH M4 đã cho công ty K thuê với giá cao hơn nên công ty TNHH M4 T1 đơn phương chấm dứt hợp đồng với công ty TNHH MTV M4.

Công ty TNHH MTV M4 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty TNHH M4, bà Bùi Lê Mỹ C, ông Bùi Phú T4 và ông Bùi Hữu M phải tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị số 001/2017/HTH-MCV ngày 12 tháng 10 năm 2017 được văn phòng C3 công chứng theo quy định pháp luật.

Buộc công ty TNHH M4, bà Bùi Lê Mỹ C và ông Bùi Phú T4 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ đóng đầy đủ các khoản nợ thuế (hơn 3 tỷ 6) đối với Chi cục thuế huyện V để mở lại mã số thuế và xuất hóa đơn đầy đủ cho công ty TNHH MTV M4 đối với số tiền đã thu từ hợp đồng thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị số 001/2017/HTH-MCV ngày 12 tháng 10 năm 2017 theo đúng quy định của pháp luật.

Buộc công ty TNHH MTV M4 chấm dứt việc hoạt động, sản xuất kinh doanh trên đất thuê hợp pháp tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 40 diện tích 1.000m^2 đất toạ lạc tại tổ A ấp H, xã H, huyện V của công ty TNHH MTV M4.

Đối với yêu cầu phản tố của công ty TNHH M4 thì công ty TNHH MTV M4 không đồng ý toàn bộ nội dung phản tố của công ty TNHH M4 do công ty M4 không có thực hiện giao dịch gì với công ty M4 Hiếu T6 trừ hợp đồng thuê mặt bằng. Đối với yêu cầu của công ty M4 T6 yêu cầu công ty TNHH MTV M4- đại diện Trịnh Quốc Vân T5 không được đặt trụ sở và hoạt động kinh doanh tại nhà xưởng của công ty M4 thì yêu cầu này không liên quan đến công ty M4, yêu cầu Toà án đình chỉ đối với yêu cầu này.

Tuy nhiên ngày 05/5/2022 Công ty M4 có đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Yêu cầu tuyên bố việc công ty M4 Thành đơn phương chấm dứt hợp đồng là vi phạm pháp luật.

- Buộc công ty M4, bà Bùi Lê Mỹ C, ông Bùi Phú T4 và ông Bùi Hữu M phải liên đới chịu trách nhiệm trả lại số tiền cọc là 600.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 600.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) do vi phạm hợp đồng thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị số 001/2017/HTH – MCV ngày 12/10/2017.

- Rút lại yêu cầu công ty phải thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ là 3,6 tỷ đồng để mở lại mã số thuế và xuất hóa đơn đầy đủ cho cho công ty M4 và yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị. Đồng thời; rút lại yêu cầu đối với công ty M4 về việc không được đăng ký kinh doanh tại phần đất thuê.

** Theo đơn phản tố ngày 24 tháng 9 năm 2019 và những lời khai khác có trong*

hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạM4 (TNHH) May H3 Thành nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viêM4 (TNHH M4) Hiếu Thành Vũng L và ông Bùi Hữu M là bà Nguyễn Thị Thanh M3 trình bày:

Nay công ty TNHH M4 và ông Bùi Hữu M yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc công ty TNHH MTV M4 phải trả lại cho công ty M4 và ông Bùi Hữu M tiền chi phí phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty M4 và tiền thuê nhà xưởng còn nợ tổng cộng là 677.895.567 đồng và yêu cầu:

- Chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị số: 001/2017/HTH-MCV giữa công ty TNHH M4, ông Bùi Hữu M và công ty TNHH MTV M4.

- Buộc công ty TNHH MTV M4 – đại diện là bà Trần Thị Thanh T2 không được đặt trụ sở tại nhà xưởng của công ty TNHH M4.

- Buộc công ty M4 cho xe xuống nhận các thiết bị sau: 01 lò hơi, 05 máy kiểm vải, 03 cái máy may.

- Buộc công ty TNHH MTV M4- đại diện Trịnh Quốc Vân T5 không được đặt trụ sở và hoạt động kinh doanh tại nhà xưởng của công ty M4.

Đối với yêu cầu của công ty M4 yêu cầu công ty TNHH M4 phải thanh toán đầy đủ các khoản nợ thuế đối với Chi cục Thuế huyện V để mở lại mã số thuế và xuất hoá đơn hoá đơn giá trị gia tăng đầy đủ cho công ty TNHH MTV M4 đối với số tiền đã thu từ hợp đồng thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị số 001/2017/HTH-MCV ngày 12 tháng 10 năm 2017 theo đúng quy định của pháp luật thì việc nộp thuế là giữa công ty M4 với chi cục Thuế huyện V chứ không liên quan đến công ty M4.

Đối với yêu cầu của công ty M4 yêu cầu công ty TNHH MTV M4 chấm dứt việc hoạt động, sản xuất kinh doanh trên đất thuê hợp pháp tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 40 diện tích 4.000m^2 đất toạ lạc tại tổ A ấp H, xã H, huyện V của công ty TNHH MTV M4 thì tôi không đồng ý vì hiện nay trụ sở của công ty TNHH MTV M4 không đặt trên phần đất cho công ty M4 thuê.

**Theo bảng khai ý kiến ngày 18 tháng 6 năm 2019 bị đơn anh Bùi Phú T4 trình bày:*

Đối với yêu cầu của công ty TNHH MTV M4 thì ông Bùi Phú T4 không đồng ý, ông cho rằng hợp đồng thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị số 001/2017/HTH-MCV ngày 12 tháng 10 năm 2017 được ký giữa công ty M4, ông Bùi Hữu M và công ty M4

không liên quan đến cá nhân ông. Ông xin vắng mặt tại các cuộc hoà hoà, phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và phiên toà sơ thẩm.

**Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M4 do ông Trịnh Khắc H2 – chức vụ: Giám đốc* là người đại diện theo pháp luật đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng tại Toà án.

**Đại diện M4 ông Lê Hồng Đ trình bày*: Thống nhất việc cty M5 rút lại yêu cầu đối với cty M6 và không có ý kiến gì.

**Tại bảng khai ý kiến ngày 27/4/2022 ông Bùi Hữu M trình bày:* Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị số 001/2017 giữa cty C2, ông Bùi Hữu M và C4.

Ông M xin rút lại yêu cầu công ty M7 phải trả ông M tổng cộng số tiền 677.895.205 đồng trong đó tiền thuê nhà công ty M7 còn thiếu là 470.000.000 đồng và tiền phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Mỹ Chánh V còn nợ là 207.895.205 đồng. Phần yêu cầu này ông để công ty M4 Hiếu T6 tự yêu cầu.

**Tại đơn xin vắng mặt và bản tự khai ngày 08/02/2023 công ty Á do bà Đinh Thị Diễm M2 làm đại diện trình bày:* Ngày 24/9/2019 Công ty Á có ký hợp đồng giữ tài sản tại Văn phòng C5. Do thỏa thuận với công ty M4 là Công ty M4 tại Ngân hàng số tiền 600.000.000 đồng còn công ty Á ký gửi tại phòng công chứng cứ bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô biển số 64A – 073.38 để cùng thực hiện biện pháp bảo đảm, chờ kết quả giải quyết cuối cùng vụ án "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" giữa công ty M7 và công ty M4.

Tuy nhiên, sau khi Công ty Á ký gửi tài sản thì công ty M7 lại rút số tiền 600.000.000 đồng ra khỏi tài khoản ký quỹ tại Ngân hàng. Do công ty M7 không thực hiện đúng thỏa thuận bảo đảm nên công ty Á cũng đã hủy bỏ "Hợp đồng giữ tài sản" ngày 24/9/2019 nêu trên và nhận lại tài sản. Hiện nay công ty Á đang quản lý sử dụng bản gốc giấy chứng nhận trên của mình. Công ty Á đã chấm dứt thỏa thuận, không còn dùng xe oto 64A – 073.38 bảo lãnh cho công ty M4 trong vụ án nói trên.

Ngoài ra, nếu theo nội dung "Tờ cam kết" ngày 24/9/2019 của công ty Á gửi Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, thì chỉ sau khi Tòa án giải quyết xong vụ án Tranh chấp hợp thuê tài sản với kết quả buộc công ty M4 Hiếu T6 trả số tiền 600.000.000 đồng cho công ty M7 lúc đó mới phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của công ty Á. Hiện nay vụ án trên

chưa giải quyết cấp sơ thẩm, chưa có bản án có hiệu lực pháp luật, thì công ty M7 không có quyền yêu cầu công ty Á thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

- Công ty Á có ý kiến như sau: Yêu cầu không thụ lý yêu cầu của công ty M7 đối với hợp đồng giữ tài sản ngày 24/9/2019 và tờ cam kết ngày 24/9/2019 của công ty Á.

- Trường hợp Tòa án thụ lý thì giải quyết không chấp nhận yêu cầu của công ty M7 đối với công ty Á vì không có căn cứ.

**Tại đơn xin vắng mặt công ty TNHH MTV M4 trình bày:* Công ty đã đống mã thuế và không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh nói chung và tại trụ sở là nhà xưởng nơi đang tranh chấp nói riêng. Nên đề nghị Tòa án không đưa công ty vào tham gia tố tụng, công ty cam kết không khiếu nại gì về sau.

**Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty M4 trình bày quan điểm:*

Thống nhất hủy hợp đồng thuê nhà xưởng, hai bên ký kết hợp đồng không có trái pháp luật vì hai bên điều có năng lực chịu trách nhiệm không có ai không đủ điều kiện thì không lý do gì trái. Căn cứ theo hợp đồng thì may Hiếu T6 không có vi phạm do tuyển đủ 493 công nhân và dư số lượng công nhân so với hợp đồng và sau khi tuyển công nhân xong mới cấp thẻ.

Đối với hợp đồng đặt cọc thì công ty M4 T6 không có lỗi nên bị đơn được đơn phương chấm dứt hợp đồng do nguyên đơn vi phạm nên không phải trả tiền cọc và bị mất cọc. Do vậy bị đơn yêu cầu trả số tiền nợ thuê là 407.000.000 đồng và tiền chi phí phát sinh 207.000.000 đồng. (Đ427 BLDS).

Yêu cầu bác đơn yêu cầu của nguyên đơn MCV chấp nhận yêu cầu phản tố của may Hiếu T6 buộc công ty M7 phải thanh toán cho công ty M4 T6 số tiền tổng cộng là 677.895.205 đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng:

Áp dụng: khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147; Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 328, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bản thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ngân hàng Đ2 – chi nhánh V1 (gọi tắt Ngân hàng B) buộc công ty M4 do bà Bùi Lê Mỹ C làm đại diện và ông Bùi Hữu M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng B số tiền vốn và lãi là 13.506.381.856 đồng (mười ba tỷ năm trăm lẻ sáu triệu ba trăm tám mươi mốt ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 04/8/2023 công ty M4 T6 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng dài hạn số 1391/2014/6126202HĐ ngày 11/04/2014 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2016/6126202/HĐTD ngày 26/05/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp công ty M4 T6 không thanh toán khoản tiền trên thì Ngân hàng được quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là máy móc thiết bị và thiết bị điều hành tại xưởng may của C2 theo Hợp đồng thế chấp số 023A/2014/6126202/HĐBĐ ngày 11/04/2014 và tài sản thế chấp là máy móc thiết bị phục vụ may mặc tại xưởng may của C2 theo Hợp đồng thế chấp số 0062/2015/HĐBĐ ngày 31/07/2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu của Ngân hàng B về việc Ngân hàng B yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với đất của ông Bùi Hữu M theo Giấy chứng nhận QSD đất QSH nhà ở và tài khác gắn liền với đất số BR 540249 do UBND huyện V cấp ngày 31/03/2014 tại thửa đất số 105 tờ bản đồ số 40 diện tíc 4.000m^2, tọa lạc tại Tổ A, ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long theo Hợp đồng thế chấp số 023/2014/6126202/HĐBĐ ngày 10/04/2014. Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty M4 về việc buộc công ty M4 do bà Bùi Lê Mỹ C làm đại diện, ông Bùi Hữu M, anh Bùi Phú T4 có trách nhiệm trả cho công ty M4 số tiền cọc của hợp đồng thuê tài sản và tiền phạt cọc tổng cộng là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của công ty M7 và công ty M4 T6 chấm dứt hợp đồng thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị số 001/2017/HTH – MCV ngày 12/10/2017 giữa hai công ty trên.

- Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty TNHH MTV M4 về việc buộc Công ty M4 T6 phải thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ là 3,6 tỷ đồng để mở lại mã số thuế và xuất hóa đơn đầy đủ cho cho công ty M4 và yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị.

- Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty TNHH MTV M4 đối với yêu cầu buộc Công ty M4 không được đăng ký kinh doanh tại phần đất thuê.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của công ty M4 T6 buộc công ty M4 có trách nhiệm trả cho công ty M4 T6 số tiền thuê hợp đồng còn nợ là 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền trả chi phí phát sinh là 207.895.205 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng). Tổng cộng là 677.895.205 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).

- Đình chỉ các yêu cầu của công ty M4 như sau:

- Buộc công ty M4 phải số tiền 792.395.349 đồng (Bảy trăm chín mươi hai triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi chín đồng).- Buộc công ty M7 nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội phát sinh cho công nhân từ tháng 6/2019 – 8/2019 là 286.441.527 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi mốt ngàn năm trăm hai mươi bảy đồng).

- Buộc công ty M7 thanh toán đầy đủ tiền nợ thuế cho Nhà nước.

- Buộc công ty TNHH MTV M4 – đại diện là bà Trần Thị Thanh T2 không được đặt trụ sở tại nhà xưởng của công ty TNHH M4.

- Buộc công ty M4 cho xe xuống nhận các thiết bị sau: 01 lò hơi, 05 máy kiểm vải, 03 cái máy may.

Buộc công ty TNHH MTV M4- đại diện Trịnh Quốc Vân T5 không được đặt trụ sở và hoạt động kinh doanh tại nhà xưởng của công ty M4.

- ***Án phí sơ thẩm***:

+ Ngân hàng B không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.137.155 đồng (Năm mươi chín triệu một trăm ba mươi bảy ngàn một trăm năm mươi lăm đồng) theo biên lai thu số $N^0$0007955 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

+ Công ty M4 phải nộp số tiền 65.558.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu năm trăm năm mươi tám ngàn đồng) Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số $N^0$0007642 ngày 19/9/2019;

300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0007886 ngày 31/12/2019; 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số N^{0}0007907 ngày 06/01/2020 và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008673 ngày 31/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Công ty M4 phải nộp thêm số tiền 58.958.000 đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm năm mươi tám ngàn đồng).

+ Công ty M4 T6 phải nộp án phí là 197.064.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.054.000 đồng (hai mươi tám triệu không trăm năm mươi bốn ngàn đồng). Công ty M4 T6 phải nộp thêm số tiền 169.010.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu không trăm mười ngàn đồng).

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn Công ty TNHH MTV M4 có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Công ty TNHH MTV M4.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV M4 trình bày nội dung, phân tích chứng cứ về tố tụng đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, xin hoãn phiên tòa và cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, về nội dung đề nghị sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV M4 buộc Công ty TNHH M4 T6 trả cho Công ty M4 số tiền đặt cọc thuê 600.000.000 đồng, phạt cọc 600.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH M4.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày nội dung, phân tích chứng cứ và đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Trình bày nội dung, phân tích đánh giá chứng cứ và đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty M4, sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị số 001/2017/HTH-MCV ngày 12/10/2017 giữa bên cho thuê là Công ty M4, ông Bùi Hữu M và bên thuê là Công ty M4.

Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty M4: Buộc Công ty M4 và ông Bùi Hữu M trả lại số tiền đặt cọc là 600.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty M4 về việc buộc Công ty M4 Hiếu T6 trả số tiền phạt cọc 600.000.000 đồng. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty M4 đối với nội dung kháng cáo về hợp đồng thế chấp tài sản là nhà xưởng, máy móc, thiết bị.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty M4 và ông Bùi Hữu M: Buộc Công ty M4 có trách nhiệm trả cho Công ty M4 Hiếu T6 số tiền thuê nhà xưởng là 470.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty M4 và ông Bùi Hữu M đối với yêu cầu buộc Công ty M4 trả số tiền chi phí phát sinh là 207.895.205 đồng.

Như vậy, sau khi khấu trừ tiền cọc thì Công ty M4 và ông Bùi Hữu M còn phải trả cho Công ty M4 130.000.000 đồng.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty M4 T6 nộp 197.064.000 đồng và Công ty M4 phải nộp 65.558.000 đồng là không đúng, vì: Nếu theo bản án sơ thẩm tuyên thì án phí phải được tính như sau:

Công ty M4 và ông Bùi Hữu M phải trả cho Ngân hàng 13.506.381.856 đồng thì án phí sơ thẩm bị đơn phải nộp theo Tiết e, Điểm 1.4 Khoản 1, Phần II, Mục A, Danh mục án phí là 121.506.381 đồng.

Công ty M4 phải nộp: Án phí trên số tiền bị bác yêu cầu 1.200.000.000 đồng (theo Tiết d, Điểm 1.4 Khoản 1, Phần II, Mục A, Danh mục án phí) = 48.000.000 đồng; án phí trên số tiền phải trả cho Công ty M4 Thành 677.895.205 đồng (theo Tiết c, Điểm 1.4 Khoản 1, Phần II, Mục A, Danh mục án phí) = 31.115.808 đồng. Tổng cộng tiền án phí Công ty M4 phải nộp 79.115.808 đồng.

Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên sửa lại toàn bộ án phí sơ thẩm:

Công ty M4 và ông Bùi Hữu M phải nộp án phí trên số tiền trả cho Ngân hàng 13.506.381.856 đồng; phải chịu án phí trên số tiền bị bác yêu cầu 207.895.205 đồng; án phí trên số tiền đặt cọc phải trả cho nguyên đơn 600.000.000 đồng.

Công ty M4 phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho bị đơn 470.000.000 đồng và án phí trên số tiền bị bác yêu cầu 600.000.000 đồng.

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Công ty M4 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH MTV M4 còn trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV M4 đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa được Hội đồng xét xử thảo luận việc thay đổi Thẩm phán không có căn cứ theo quy định tại Điều 52, 53, 56, 141 và Điều 240 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu thay đổi Thẩm phán được thể hiện Quyết định số 03/QĐ-PT ngày 26/01/2024. Đồng thời tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV M4 đề nghị hoãn phiên tòa do vắng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hữu M, ông Nguyễn Phú T7 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác là không có căn cứ, vì ông M đã ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, phiên tòa được mở lần 01 vào ngày 09/01/2024, hơn nữa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện Kiểm sát nhân dân không kháng nghị, Công ty TNHH MTV M4 kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV M4 về số tiền đặt cọc 600.000.000 đồng và phạt cọc, không chấp nhận đơn phản tố của Công ty TNHH M4, và một số vi phạm tố tụng như cấp sơ thẩm chưa xử lý yêu cầu mở mã thuế, quyết định sửa đổi bổ sung của Ngân hàng với Công ty TNHH M4 không đúng quy định của pháp luật nên việc vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không ảnh hưởng đến nội dung vụ án giữa Công ty TNHH M4 và Công ty TNHH MTV M4. Riêng phần đề nghị của Công ty TNHH MTV M4 đưa ông Bùi Hữu M tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn là có căn cứ, cấp sơ thẩm đưa ông M tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa đúng, mặc dù đưa tư cách tham gia tố tụng của ông M chưa đúng nhưng ông M không kháng cáo, tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm đại

diện ủy quyền của ông M đã dự đầy đủ các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm nên cấp phúc thẩm điều chỉnh phần này.

Việc Công ty TNHH MTV M4 cho rằng cấp sơ thẩm thông báo sửa đổi bổ sung đối với phần hợp đồng thế chấp của Ngân hàng không đúng quy định của pháp luật là có căn cứ, tuy nhiên Công ty TNHH M4 và Ngân hàng không kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty TNHH M4 và Ngân hàng không ý kiến và khiếu nại gì và thống nhất nội dung Bản án sơ thẩm đã xử, việc này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: Ngày 12/10/2017 Công ty TNHH M4 và Công ty TNHH MTV M4 ký hợp đồng số 001, hai bên thỏa thuận Công ty TNHH M4 cho Công ty M4 thuê nhà xưởng, máy móc tại ấp H, thời hạn thuê là 07 năm từ ngày 13/7/2017 đến ngày 13/10/2024, giá thuê là 100.000.000 đồng/tháng, không tính tiền thuê 02 tháng đầu và 03 tháng 70.000.000 đồng/tháng, trả tiền thuê hàng tháng, hợp đồng được công chứng, chứng thực ngày 13/7/2017 thực hiện hợp đồng Công ty M4 đã đặt cọc tiền thuê 600.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng ngày 24/8/2019 phía Công ty M4 T6 chấm dứt hợp đồng do Công ty M4 không trả đủ tiền thuê, Công ty M4 T6 đã gửi thông báo cho Công ty M4 nhưng phía Công ty M4 không phản hồi, Công ty M4 cho rằng không có nợ tiền thuê do tại Điều 05 của hợp đồng quy định bên A (Công ty TNHH M4) hỗ trợ cho bên B (Công ty TNHH MTV M4) 400 công nhân trong 03 tháng, Công ty M4 T6 cung cấp tài liệu về việc hỗ trợ cho Công ty M4 theo danh sách cấp thẻ ATM của N hành B hơn 490 công nhân; việc sử dụng công nhân do Công ty M4 nên áp dụng giá thuê là 100.000.000 đồng/tháng, Công ty M4 chấm dứt hợp đồng là có căn cứ, xét số tiền Công ty M4 đặt cọc 600.000.000 đồng số tiền này mục đích đặt cọc thực hiện hợp đồng thuê, 02 bên đã thực hiện hợp đồng thuê được hơn 01 năm (từ ngày 13/10/2017 đến ngày 28/8/2019) phía Công ty M4 không thực hiện trả tiền thuê theo đúng hợp đồng, Công ty M4 cũng có lỗi trong quá trình thực hiện hợp đồng số tiền 600.000.000 đồng Công ty M4 T6 nợ Công ty M4, Công ty M4 yêu cầu phạt cọc 600.000.000 đồng là chưa có căn cứ nên chấp nhận 01 phần yêu cầu của Công ty M4 buộc Công ty M4 T6 trả cho Công ty M4 số tiền đặt cọc là 600.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của Công ty M4 T6 buộc Công ty M4 trả số tiền nợ thuê 470.000.000 đồng và tiền Công ty M4 T6 đã thanh toán các hóa đơn điện nước và chi phí khác thay cho Công ty M4, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty M4 T6 là có căn cứ đúng pháp luật, bởi lẻ tại mục 5.5 Điều 05 và Điều 07 của hợp đồng thuê Công

ty M4 T6 đã hỗ trợ cho Công ty M4 số lượng công nhân đúng theo hợp đồng đã ký trong 03 tháng đầu và kể từ tháng thứ 06 là 100.000.000 đồng/tháng đồng thời số tiền thanh toán hóa đơn, chi phí khác Công ty M4 T6 đã trả thay cho Công ty M4 trong thời gian Công ty M4 đang hoạt động và trước khi Công ty M4 Thành chấm dứt hợp đồng với Công ty M4.

Đối với yêu cầu của Công ty M4 mở lại mã số thuế cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không xét theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH MTV M4, và chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên.

Do sửa án sơ thẩm về nội dung số tiền nên điều chỉnh án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty M4 nộp tiền án phí trên số tiền bị bác yêu cầu phạt cọc 600.000.000 đồng và số tiền trả cho Công ty M4 677.895.205 đồng, số tiền án phí Công ty M4 phải nộp là 50.336.800 đồng.

Công ty M4 T6 nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Công ty M4 600.000.000 đồng, số tiền án phí Công ty M4 Thành nộp là 28.000.000 đồng.

Phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, cấp sơ thẩm xử lý nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm của Công ty M4 và Công ty M4 T6 không đúng quy định pháp luật cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Các quyết định khác của bán án kinh doanh thương mại sơ thẩm về xử lý hợp đồng tín dụng định chỉ không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

Áp dụng: khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147; Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 328, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bản thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty M4.

Buộc Công ty M4 T6 trả cho Công ty M4 số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

2. Bác yêu cầu của Công ty M4 đối với số tiền phạt cọc là 600.000.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu của Công ty M4: Buộc Công ty M4 trả tiền thuê cho Công ty M4 Thành 470.000.000 đồng và chi phí điện nước, chi phí phát sinh là 207.895.205 đồng. Tổng cộng 677.895.205 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng).

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm buộc Công ty M4 nộp 50.336.800 đồng, số tiền Công ty M4 nộp tạm ứng án phí 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007642 ngày 19/9/2019; 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007886 ngày 31/12/2019; 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007907 ngày 06/01/2020; 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008673 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, sẽ được khấu trừ vào án phí sơ thẩm.

Buộc Công ty M4 T6 nộp 28.000.000 đồng, số tiền Công ty M4 Thành nộp 28.054.000 đồng theo biên lai thu số 0007651 ngày 26/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V sẽ được khấu trừ vào án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty M4 Thành 54.000 đồng (Năm mươi bốn ngàn đồng).

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, hoàn trả lại cho Công ty M4 nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009673 ngày 08/0/2023 và nộp bổ sung 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008360 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm về hợp đồng tín dụng, đình chỉ không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao 01;
- VKSND Cấp cao 01;
- VKSNDTVL 01;
- Chánh án 01;
- TAND huyện V 01;
- THADS huyện V 01;
- Các ĐS 10;
- HCTP 01;
- Phòng KTNV&THA 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 03.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng